

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2014/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2014

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 3159

Ngày: 09/6/14

Chuyên:

ĐẾN

Lưu hồ sơ số:

**THÔNG TƯ**

**Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia**

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 08 /2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước có mục tiêu, nội dung, sản phẩm không thuộc mục tiêu, nội dung, sản phẩm của các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia do các quỹ của Nhà nước về khoa học và công nghệ tài trợ, bao gồm:

a) Đề án khoa học cấp quốc gia, đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia, dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

Các nhiệm vụ quy định tại điểm a, điểm b của khoản này sau đây gọi chung là nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị quản lý nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia* (sau đây viết tắt là đơn vị quản lý nhiệm vụ) là đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ được giao trách nhiệm quản lý các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

2. *Đơn vị quản lý kinh phí nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia* (sau đây viết tắt là đơn vị quản lý kinh phí) là đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trực tiếp quản lý ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

## **Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia**

Nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia phải đáp ứng được các quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ qui định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

## **Điều 4. Mã số của nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia**

Mã số nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia được ghi như sau: TĐLCN.XX/YY, DAĐLCN.XX/YY, ĐTĐLXH.XX/YY, ĐAĐLQG.XX/YY.

Trong đó:

1. ĐTĐLCN là ký hiệu chung cho các đề tài độc lập thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.

2. DAĐLCN là ký hiệu chung cho các dự án độc lập thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.

3. ĐTĐLXH là ký hiệu chung cho các đề tài độc lập thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

4. ĐAĐLQG là ký hiệu chung cho các đề án độc lập.

5. Nhóm XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ sắp xếp theo từng nhóm ĐTĐLCN, DAĐLCN, ĐTĐLXH trong năm bắt đầu thực hiện.

6. Nhóm YY là nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia.

7. Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự các nhiệm vụ là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.